

Số: 19 /BC-UBND

Bình Định, ngày 10 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO

Tình hình và kết quả triển khai thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024 và nhiệm vụ, giải pháp thực hiện năm 2025

Căn cứ quy định của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH11 ngày 26/11/2013; Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 14/4/2023 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 của Quốc hội; Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ; Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính quy định tiêu chí đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên; thực hiện Văn bản số 319/BTC-TTr ngày 09/01/2025 của Bộ Tài chính, trên cơ sở tổng hợp của Sở Tài chính tại Văn bản số 308/STC-QLNS ngày 05/02/2025, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính về kết quả thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (viết tắt: THTK, CLP) năm 2024 và một số nhiệm vụ, giải pháp triển khai thực hiện năm 2025, kèm theo Bảng tiêu chí đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên năm 2024, cụ thể như sau:

I. Công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức THTK, CLP

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về THTK, CLP

Căn cứ các chủ trương¹ của Đảng, pháp luật của Nhà nước và thực hiện Quyết định số 1764/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể về THTK, CLP năm 2024; theo đó, các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương đã tiếp tục đẩy mạnh phổ biến, quán triệt tinh thần THTK, CLP thông qua nhiều hình thức như: tổ chức hội nghị, lồng ghép trong các buổi học tập Nghị quyết của Trung ương và đưa nội dung THTK, CLP vào tiêu chí đánh giá, xếp

¹ Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Kết luận số 12-KL/TW ngày 06/4/2022 của Bộ Chính trị về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Quy định số 189-QĐ/TW ngày 08/10/2024 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công; Bài viết "Chống lãng phí" của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Kế hoạch số 16-KH/TU ngày 05/4/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 10-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Kế hoạch số 86-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

loại cuối năm... từ đó, có tác dụng nâng cao ý thức thực hành tiết kiệm, ngăn chặn hành vi lãng phí.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THPTK, CLP

Trên cơ sở Chương trình tổng thể về THPTK, CLP năm 2024 của Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 về Chương trình THPTK, CLP của tỉnh Bình Định năm 2024 với những mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể để thực hiện Chương trình như: chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức điều hành, quản lý chi ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm, tuân thủ dự toán ngân sách đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước; tăng cường quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, quyết liệt thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công đảm bảo theo quy định của Luật Đầu tư công; tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, khoáng sản, kết cấu hạ tầng, công trình và quản lý sử dụng tài sản công hiệu quả, đảm bảo theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Từ đó, góp phần quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài sản công, nguồn lực đất đai được quản lý, khai thác bảo đảm tiết kiệm, bền vững, hiệu quả cao nhất; bảo đảm phòng, chống thất thoát, lãng phí, tạo nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội nhằm thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ theo Nghị quyết² của Hội đồng nhân dân tỉnh trong năm 2024

Bên cạnh đó, UBND tỉnh³ đã triển khai kịp thời Quy định số 189-QĐ/TW ngày 08/10/2024 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công; Bài viết “Chống lãng phí” của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Thông báo số 1673-TB-TU ngày 06/11/2024 của Thường trực Tỉnh ủy chỉ đạo triển khai một số nội dung cụ thể của Quy định 189-QĐ/TW, qua đó, nhận diện các dạng thức lãng phí, dự kiến kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ cụ thể cho từng của các ngành, lĩnh vực trong thời gian tới. Theo đó, UBND tỉnh đã thành lập Tổ công tác về phòng, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh và bộ phận giúp việc cho Tổ công tác (tại Quyết định số 3977/QĐ-UBND ngày 15/11/2024 của UBND tỉnh), do Chủ tịch UBND tỉnh làm tổ trưởng và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh là các tổ phó, giao Sở Tài chính làm cơ quan thường trực chủ trì, triển khai thực hiện và đã ban hành Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 27/12/2024 rà soát, nhận diện các dạng thức

²Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; Quyết định số 4647/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024;

³Văn bản số 8529/UBND-TH ngày 24/10/2024 về việc tham mưu, đề xuất các giải pháp về phòng, chống lãng phí theo nội dung Bài viết “Chống lãng phí” của đồng chí Tô Lâm, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Văn bản số 9032/UBND-TH ngày 08/11/2024 về việc chủ trương thành lập tổ công tác về phòng, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 8875/UBND-TH ngày 04/11/2024 về việc triển khai Quy định số 189-QĐ/TW ngày 08/10/2024 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công; Văn bản số 9060/UBND-TH ngày 08/11/2024 về việc triển khai Công điện số 112/CĐ-TTg ngày 06/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ tập trung giải quyết dứt điểm các dự án tồn đọng, dừng thi công, khẩn trương triển khai, hoàn thành, đưa vào sử dụng chống lãng phí, thất thoát; Văn bản số 9094/UBND-TH ngày 11/11/2024 thực hiện Thông báo số 1673-TB/TU ngày 06/11/2024 của Thường trực Tỉnh ủy về thực hiện các nội dung theo quy định 189-QĐ/TW ngày 08/10/2024; Quyết định số 3977/QĐ-UBND ngày 15/11/2024 thành lập Tổ công tác về phòng, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh và bộ phận giúp việc cho Tổ công tác.

lãng phí và nhiệm vụ, giải pháp triển khai thực hiện phòng, chống lãng phí trong thời gian đến trên địa bàn tỉnh, trong đó cụ thể hóa các nhiệm vụ, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương đề xuất giải pháp tăng cường công tác phòng, chống lãng phí trong thời gian đến.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về THTK, CLP

Thực hiện Kế hoạch thanh tra năm 2024 đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt và các nhiệm vụ đột xuất được giao, trong kỳ, ngành Thanh tra của tỉnh đã tiến hành 81 cuộc thanh tra hành chính và 55 cuộc thanh tra chuyên ngành trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, phát hiện vi phạm về kinh tế 10.575 triệu đồng và 261.150 m² đất các loại; qua thanh tra đã xử lý thu hồi về cho Nhà nước 6.411 triệu đồng và 146.223 m² đất các loại; kiến nghị xử lý hình thức khác (thu về cho đơn vị, ghi thu, ghi chi, giảm trừ thanh toán, chấn chỉnh công tác quản lý...) 4.164 triệu đồng và 114.927 m² đất các loại; kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm 14 tập thể và 56 cá nhân có liên quan; chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra 01 vụ có dấu hiệu tội phạm. Thanh tra chuyên ngành đã ban hành 15 quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 08 tổ chức và 07 cá nhân, với số tiền 1.069 triệu đồng; đồng thời, đã đề xuất nhiều kiến nghị chấn chỉnh, khắc phục kịp thời những những tồn tại, hạn chế, yếu kém trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, góp phần phòng ngừa vi phạm pháp luật “từ sớm, từ xa”.

Các sở, ban thuộc tỉnh còn chỉ đạo tiến hành 242 cuộc kiểm tra trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước tại 4.041 tổ chức và cá nhân. Kết quả kiểm tra phát hiện và ban hành 196 quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 133 tổ chức và 63 cá nhân, với tổng số tiền 6.820 triệu đồng; kiến nghị chấn chỉnh, khắc phục một số hạn chế, tồn tại, thiếu sót trong việc thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan.

Nhìn chung, qua công tác thanh tra đã phát hiện, kiến nghị xử lý các vi phạm về kinh tế; chấn chỉnh, khắc phục thiếu sót trong việc tổ chức triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp trong các lĩnh vực, góp phần tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, chủ động phòng ngừa hạn chế vi phạm pháp luật, hành vi tham nhũng, lãng phí.

II. Tình hình, kết quả THTK, CLP thực hiện năm 2024

1. Kết quả thực hiện

a) Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Trong năm 2024, UBND tỉnh đã ban hành theo thẩm quyền 64 văn bản chỉ đạo điều hành; ban hành và trình HĐND tỉnh ban hành 91 văn bản quy phạm pháp luật mới hoặc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số chế độ, chính sách, định mức trong từng ngành, lĩnh vực (*ban hành 53 Quyết định; trình HĐND tỉnh ban hành 38 Nghị quyết*) liên quan đến việc THTK, CLP tạo cơ sở cho việc thực hiện, giám sát, đánh giá kết quả triển khai chủ trương tiết kiệm, chống lãng phí của Nhà nước (*Chi tiết Phụ lục số 01 đính kèm*).

Các văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được tổ chức soạn thảo, dự thảo và lấy ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan và đơn vị, địa phương, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và ban hành đúng quy định của pháp luật, hạn chế lãng phí ngay từ khâu xây dựng.

b) Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước

- Trong lập, phê duyệt và thực hiện dự toán

Trên cơ sở bám sát hướng dẫn của Trung ương về xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã xây dựng và trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 đảm bảo theo đúng quy định, định mức; theo đó, giao dự toán tổng thu ngân sách nhà nước phát sinh trên địa bàn (chưa kể thu chuyển nguồn, thu bổ sung cân đối, bổ sung mục tiêu) là 14.487.300 triệu và dự toán tổng chi ngân sách địa phương là 20.258.969 triệu đồng.

Để thực hiện hoàn thành dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 được Hội đồng nhân dân tỉnh giao, trong điều kiện năm 2024 dự kiến sẽ là năm gặp nhiều khó khăn, thách thức, vì vậy, ngay từ đầu năm Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh triển khai nhiều biện pháp đồng bộ, quyết liệt thực hiện các chủ trương của Đảng, nghị quyết của Chính phủ, ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và các nhiệm vụ, giải pháp điều hành của tỉnh đã đề ra như: Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 04/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường tiết kiệm chi ngân sách nhà nước, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản⁴ để chỉ đạo, điều hành. Trên cơ sở đó, ước thực hiện năm 2024 tổng thu ngân sách nhà nước phát sinh trên địa bàn là 16.571.555 triệu đồng, vượt 14,4% so với dự toán (14.487.300 triệu đồng), tăng 30,9% so cùng kỳ năm 2023; tổng chi cân đối ngân sách địa phương là 20.776.846 triệu đồng, vượt 2,6% so dự toán (20.258.969 triệu đồng), tăng 13,9% so cùng kỳ năm 2023.

Nhìn chung, trong công tác lập, phê duyệt dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu xây dựng dự dự toán, trong đó, đã thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên theo quy định của là 199.803 triệu đồng (*ngân sách tỉnh 108.992 triệu đồng, ngân sách huyện 90.811 triệu đồng*),

⁴ Công văn số 9942/UBND-TH ngày 29/12/2023 về kế hoạch thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 theo từng tháng, quý; Thông báo số 74/TB-UBND ngày 27/02/2024 về tình hình và giải pháp thu ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 09/01/2024 về đẩy mạnh giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn NSNN do tỉnh quản lý năm 2024; Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 04/4/2024 về việc tăng cường công tác thu ngân sách nhà nước nhằm phấn đấu đạt và vượt dự toán năm 2024, hướng đến hoàn thành kế hoạch năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX; Quyết định số 2111/QĐ-UBND ngày 15/6/2024 của UBND tỉnh Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện việc đôn đốc thu hồi nợ đọng thuế và tiền sử dụng đất, tiền thuê đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh; Công văn số 7333/UBND-TH ngày 19/9/2024 về tăng cường công tác điều hành dự toán NSNN trong những tháng cuối năm 2024 và năm 2025;...

tăng 15,82% so với năm 2023 (172,510 triệu đồng). Điều hành, sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí và thực hiện nghiêm theo Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 23/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh, tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong việc chấp hành pháp luật về tài chính - ngân sách nhà nước. Đồng thời, thực hiện theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ về phạm vi, đối tượng tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024, qua đó, toàn tỉnh đã cắt giảm, tiết kiệm thêm 5% chi thường xuyên là 63.924,748 triệu đồng (*ngân sách tỉnh: 40.493,496 triệu đồng; ngân sách huyện: 23.431,252 triệu đồng*), nguồn kinh phí tiết kiệm này dự kiến bố trí chi cho công tác xóa nhà ở tạm, nhà ở dột nát trên địa bàn tỉnh theo Công điện số số 102/CĐ-TTg ngày 06/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ đẩy mạnh triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước.

- Trong quản lý, sử dụng vốn chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG):

Để thực hiện có hiệu quả 03 Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 và cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND tỉnh về tổ chức triển khai thực hiện và quản lý các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 tại tỉnh, UBND tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025⁵. Căn cứ các quy định, văn bản hướng dẫn của bộ, ngành trung ương về cơ chế quản lý, tổ chức, thực hiện các Chương trình MTQG, đến nay UBND tỉnh đã ban hành cơ bản đầy đủ các văn bản pháp lý để chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh⁶.

Đồng thời, để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các Chương trình MTQG, UBND tỉnh đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất để chỉ đạo, đôn đốc và thành lập các Tổ công tác liên ngành để kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh triển khai thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra và tránh lãng phí do việc chậm giải ngân. Trên cơ sở đó, tính đến ngày 15/11/2024, tình hình giải ngân vốn thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia là: 571,099/1.006,814 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 56,7% (trong đó: vốn đầu tư tỷ lệ 72,6%; vốn sự nghiệp tỷ lệ 39,8%). Ước thực hiện giải ngân vốn 03 chương trình MTQG đến ngày 31/01/2025 là: 866,683/1.006,814 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 86,1% (trong đó: vốn đầu tư tỷ lệ 95,6%; vốn sự nghiệp tỷ lệ 76,0%).

c) Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước

- Về quản lý và sử dụng tài sản công:

Trên cơ sở các quy định của Trung ương, tài sản công được phân cấp quản lý và sử dụng theo đúng quy định⁷, đúng mục đích, tiết kiệm, chống lãng phí và có hiệu

⁵ Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025.

⁶ 27 văn bản QPPL của tỉnh và 90 văn bản hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện của UBND tỉnh.

⁷ Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh về quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh Bình Định, Quyết định số

quả, đảm bảo phục vụ tốt cho công tác chuyên môn; không sử dụng vào mục đích cá nhân; được bảo trì, bảo dưỡng và kiểm kê định kỳ hằng năm.

Để tiếp tục đẩy mạnh phân cấp thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng và theo tinh thần Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước; UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 05/2024/NĐ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định. Việc phân cấp rõ về thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao, qua đó nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; phù hợp với quy định về phân cấp quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách nhà nước, đáp ứng tình hình thực tế và yêu cầu công tác quản lý tài sản công trong giai đoạn hiện nay.

Đồng thời, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp với Cục Quản lý công sản (Bộ Tài chính) tổ chức Hội nghị tập huấn nghiệp vụ thực hiện Tổng kiểm kê tài sản công (vào ngày 24-25/10/2024) và Hội nghị tập huấn nghiệp vụ sử dụng Phần mềm Quản lý tài sản công (vào ngày 25/10/2024) cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định; tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân cấp nhập dữ liệu (theo công văn số 7829/UBND-TH ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh) để thực hiện việc nhập và chuẩn hóa dữ liệu về tài sản công vào phần mềm Quản lý tài sản công.

- Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại (xe ô tô):

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh quản lý, sử dụng xe ô tô theo tiêu chuẩn⁸, định mức, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Đến nay, toàn tỉnh có 423 xe ô tô (*phục vụ chức danh: 03 xe; phục vụ công tác chung: 149 xe; chuyên dùng: 271 xe*). Trong năm 2024, mua sắm mới 22⁹ xe ô tô với tổng số tiền là 39.036 triệu đồng, tiết kiệm 725 triệu đồng so với giá mời thầu; thực hiện rà soát, sắp xếp xe dôi dư, xe hết niên hạn sử dụng và không đảm bảo an toàn lưu thông để tổ chức thanh lý, theo đó, đã thực hiện thanh lý 05 xe ô tô với tổng giá bán 590,64 triệu đồng, tăng 287,855 triệu đồng so với giá khởi điểm. Hiện

35/2022/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018

⁸ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 28/03/2024 về số lượng xe ô tô bán tải và xe ô tô từ 12 đến 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung; Quyết định số 2269/QĐ-UBND ngày 25/06/2024 Về số lượng, chủng loại và phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung; Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 18/7/2024 quy định việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô; Quyết định số 40/2024/QĐ-UBND ngày 12/8/2024 về quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định (trừ xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế).

⁹ 01 xe phục vụ chức danh, 06 xe phục vụ công tác chung, 15 xe chuyên dùng.

nay, các cơ quan, tổ chức, đơn vị đang tiếp tục thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng theo Công văn số 7895/UBND-TH ngày 07/10/2024 và 7898/UBND-TH ngày 07/10/2024 của UBND tỉnh.

- Tiết kiệm sử dụng kinh phí trong đấu thầu mua sắm máy móc, thiết bị, hàng hóa theo phương thức mua sắm tập trung quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ: UBND tỉnh đã đẩy mạnh phân cấp¹⁰ cho các địa phương và các đơn vị để chủ động trong việc mua sắm máy móc, thiết bị, hàng hóa đảm bảo kịp thời phục vụ cho các hoạt động của đơn vị và tránh lãng phí nguồn kinh phí đã được phân bổ. Đến hết 31/12/2024, việc thực hiện tổ chức đấu thầu mua sắm đảm bảo theo quy định, qua đó kết quả thực hiện của 16 đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ MSTT trên toàn tỉnh đã hoàn thành 19/19 gói thầu MSTT, giá trị dự toán được duyệt là 142.522 triệu đồng, giá trị trúng thầu là 108.112 triệu đồng, giá trị tiết kiệm được là 24,410 triệu đồng, giảm 24,14% so tổng giá trị dự toán được phê duyệt.

d) Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng

- Trong đầu tư xây dựng

+ Về quản lý, phân bổ kế hoạch vốn đầu tư:

Việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công của địa phương đảm bảo theo đúng nguyên tắc, tiêu chí quy định của Luật Đầu tư công, thực hiện Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND tỉnh về phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024; UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định¹¹ phân bổ và giao toàn bộ kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương đến từng chủ đầu tư (đạt 100% kế hoạch), tạo điều kiện cho các đơn vị, địa phương chủ động triển khai có hiệu quả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn.

Để hoàn thành kế hoạch năm 2024, UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 09/01/2024 về đẩy mạnh giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý năm 2024, đồng thời, đưa ra các mốc thời gian¹² cụ thể để thực hiện, các đơn vị nào không đạt tỷ lệ giải ngân theo các mốc quy định sẽ bị điều chỉnh giảm kế hoạch vốn để bố trí cho các dự án có tiến độ giải ngân tốt. Qua đó,

¹⁰Các quyết định của UBND tỉnh: Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 11/04/2023 về việc ban hành Danh mục tài sản mua sắm tập trung và phân công đơn vị mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 3224/QĐ-UBND ngày 29/08/2023 sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Danh mục tài sản mua sắm tập trung và phân công đơn vị mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 2886/QĐ-UBND ngày 13/08/2024 về việc ban hành danh mục và giao nhiệm vụ mua sắm tập trung cấp địa phương đối với vật tư y tế, thủy tinh thể nhân tạo, vật tư xét nghiệm và khí dùng trong y tế trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 13/08/2024 về việc ban hành danh mục và giao nhiệm vụ mua sắm tập trung cấp địa phương đối với thuốc trên địa bàn tỉnh Bình Định.

¹¹ Quyết định số 4565/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của UBND tỉnh Phân bổ và giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024.

¹² Đợt 1: Rà soát, thu hồi, điều chuyển vốn của dự án đến ngày 31/5/2024; Đợt 2: Rà soát, thu hồi, điều chuyển vốn của dự án đến ngày 31/7/2024; Đợt 3: Rà soát điều chỉnh kế hoạch vốn của các dự án không còn khả năng giải ngân thanh toán năm 2024, thời gian rà soát trước ngày 31/10/2024

tổng giá trị giải ngân vốn đầu tư công do tỉnh quản lý năm 2024 (đến 31/01/2025 là 8.655,9 tỷ đồng, so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (7.865,6 tỷ đồng) giá trị giải ngân đạt tỷ lệ 110,04%; So với kế hoạch HĐND tỉnh giao (8.838,3 tỷ đồng), giá trị giải ngân đạt tỷ lệ 98% kế hoạch; thuộc các địa phương có tỷ lệ giải ngân cao nhất 63 tỉnh thành. Việc điều hành quyết liệt, linh hoạt, kịp thời, theo tinh thần thiết lập kỷ cương giải ngân đầu tư công, vốn đầu tư công đẩy nhanh phân bổ và giải ngân vốn đầu tư phát triển đã góp phần sớm đưa các dự án, công trình vào hoạt động phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và chống lãng phí trong sử dụng vốn đầu tư công.

- Trong công tác tổ chức lựa chọn nhà thầu vốn ngân sách nhà nước (*không tính đấu thầu theo hình thức mua sắm tập trung*): tính đến nay, toàn tỉnh đã thực hiện khoảng 4.090 gói thầu, tổng giá trị phê duyệt là 4.287.023 triệu đồng, giá trị trúng thầu là 3.832.421 triệu đồng (*cụ thể các hình thức: tự thực hiện là 21 gói thầu, chỉ định thầu/chỉ định thầu rút gọn là 3.527 gói thầu; mua sắm trực tiếp 01 gói thầu; tham gia trực tiếp của cộng đồng là 10 gói thầu; lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt là 28 gói thầu; chào hàng cạnh tranh qua mạng là 141 gói thầu; đấu thầu rộng rãi qua mạng là 362 gói thầu*); tiết kiệm 454.602 triệu đồng, tỷ lệ tiết kiệm bình quân đạt 10,6%.

- Trong công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành: công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành được các đơn vị theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của Trung ương với tinh thần chặt chẽ, hiệu quả, chống lãng phí và góp phần tiết kiệm chi cho ngân sách Nhà nước. Đến 31/12/2024, toàn tỉnh đã thẩm tra, phê duyệt quyết toán 1.425 công trình, giá trị đề nghị phê duyệt quyết toán là 6.476.655 triệu đồng, giá trị quyết toán được phê duyệt là 6.461.983 triệu đồng; quyết toán giảm 14.672 triệu đồng (tỷ lệ giảm 0,23% so với giá trị đề nghị quyết toán), qua đó tiết kiệm chi cho NSNN.

- Trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp: UBND tỉnh rất chú trọng trong quản lý, rà soát, sắp xếp, xử lý để tránh lãng phí và đảm bảo theo quy định¹³. Theo đó, UBND tỉnh đã phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý đối với 3.808/3.808 cơ sở nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh. Riêng năm 2024, UBND tỉnh đã phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý đối với 406 cơ sở nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 4114/QĐ-UBND ngày 27/11/2024, cụ thể: giữ lại tiếp tục sử dụng là 227 cơ sở; điều chuyển là 57 cơ sở; chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý là 22 cơ sở; thu hồi (cơ sở nhà, đất sau thu hồi được giao cho Tổ chức phát triển quỹ đất tiếp nhận, quản lý, đấu giá theo quy định của pháp luật về đất đai) là 99 cơ sở; tạm giữ lại tiếp tục sử dụng là 01 cơ sở. Đồng thời, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính tiếp tục rà soát, đề xuất phương án xử lý các trụ sở công đôi dư (một số cơ sở nhà đất đôi dư, Chủ tịch UBND tỉnh đã trực tiếp kiểm tra hiện trạng để chỉ

¹³ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công, Nghị định 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ

đạo có phương án xử lý đảm bảo theo quy định) để báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý theo quy định trong thời gian đến.

Đối với cơ sở nhà đất dôi dư có phương án xử lý là tổ chức bán đầu giá, trong năm 2024, đã thực hiện xác định giá khởi điểm của 03¹⁴, tuy nhiên, qua nhiều lần thông báo tổ chức đấu giá nhưng không có khách hàng tham gia. Dự kiến sẽ tiếp tục tổ chức đấu giá trong năm 2025 để tránh lãng phí và tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

+ Đối với một số cơ sở nhà, đất của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh: trong năm 2024, UBND tỉnh đã tiếp nhận và có phương án xử lý đối với 36 cơ sở nhà, đất (*trong đó: giao các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng, xử lý 23 cơ sở nhà đất; giao các tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, đấu giá theo quy định của pháp luật đất đai đối với 10 cơ sở nhà, đất; 03 cơ sở nhà, đất của BHXH Việt Nam được Bộ Tài chính chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý tại Quyết định số 3179/QĐ-BTC ngày 31/12/2024, địa phương đang thực hiện xử lý theo quy định*). Đồng thời, qua rà soát, hiện nay trên địa bàn tỉnh có 05¹⁵ cơ sở nhà, đất thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan Trung ương hiện đang dôi dư, không sử dụng. UBND tỉnh đã có văn bản gửi các cơ quan Trung ương đề nghị chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý.

- Trong quản lý, sử dụng nhà cũ thuộc sở hữu nhà nước: đến nay, còn 190 căn, gồm: 118 căn hộ và 72 nhà ở riêng lẻ (*trong đó có hợp đồng thuê nhà 89 căn, chưa có hợp đồng thuê nhà 74 căn, nhà đang quản lý nhà trống 27 căn*). UBND tỉnh giao Sở Xây dựng quản lý, theo dõi, thực hiện rà soát, cập nhật lên phần mềm quản lý nhà ở cũ và xây dựng phương án xử lý cụ thể để thực hiện trong năm 2025.

đ) Trong quản lý, khai thác, sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên

- Trong quản lý, sử dụng đất đai:

+ Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất luôn đảm bảo nguyên tắc “sử dụng đất tiết kiệm và có hiệu quả” theo các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã ban hành các phương án, kế hoạch đấu giá thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để đảm bảo nguồn thu được đưa vào phục vụ chi đầu tư phát triển của tỉnh, tránh lãng phí trong lĩnh vực đất đai. Trên cơ sở đó, đến 31/12/2024, số thu tiền sử dụng đất đã nộp ngân sách nhà nước là 7.404.319 triệu đồng, đạt 131,6% dự toán HĐND tỉnh giao (dự toán 5.624.300 triệu đồng), vượt 51,6% so với cùng kỳ năm 2023; thu tiền thuê mặt đất, mặt nước đạt 1.098.682 triệu đồng, đạt 76,8% dự HĐND tỉnh giao (Dự toán giao 1.430 tỷ đồng, trong đó, tiền

¹⁴ Nhà số 83 Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn: 14.714.074.000 đồng; Nhà số 35 Quang Trung, thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn: 1.910.411.000 đồng; Trụ sở Trạm TT&BVTV huyện Phù Mỹ: 7.943.642.000 đồng

¹⁵ Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh (01B đường Ý Lan phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn), Trụ sở cũ của Văn phòng Cục Quản lý thị trường (239 Lê Hồng Phong, TP. Quy Nhơn), Trụ sở cũ Đội quản lý thị trường số 5 (161 Lê Lợi, TP. Quy Nhơn), Trụ sở cũ Đội quản lý thị trường số 3 (1109 Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn), Trụ sở cũ Đội quản lý thị trường số 4 (125 Quang Trung, thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn).

thuê mặt đất nộp một lần là 1.250.000 triệu đồng) và vượt 39,3% so với cùng kỳ năm 2023.

+ Trong quản lý các Khu công nghiệp (viết tắt: KCN) trên địa bàn tỉnh: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh quy hoạch 14 KCN, với tổng diện tích hơn 4.500 ha. Trong đó, 07¹⁶ KCN đã đi vào hoạt động, với diện tích hơn 2.851,61 ha, đã đầu tư xây dựng hạ tầng đủ điều kiện cho thuê là 2.005,36ha. Lũy kế đến nay, thu hút 337 dự án công nghiệp với 722,88ha, đạt tỷ lệ lấp đầy 35,67% so với diện tích quy hoạch cho thuê sản xuất, kinh doanh. Đa số các dự án thu hút đầu tư mới vào KCN đã đi vào hoạt động, có quy mô tương đối lớn, công nghệ hiện đại và thân thiện với môi trường; các dự án có vốn đầu tư nước ngoài có xu hướng tăng trong những năm gần đây.

+ Trong quản lý các cụm công nghiệp (viết tắt: CCN): theo Phương án phát triển Cụm Công nghiệp (CCN) tỉnh Bình Định, đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh có 68 CCN với tổng diện tích 3.470 ha, bình quân 51 ha/CCN. Đến nay, có 46/68 CCN với tổng diện tích 1.543 ha được quyết định thành lập; có 38/46 CCN đã đi vào hoạt động. Các CCN đã thu hút 387 dự án đăng ký đầu tư với diện tích đất thuê và có chủ trương đầu 762,7 ha (trong đó, có 330 dự án đã cho thuê với tổng diện tích 643,9 ha), đạt tỷ lệ lấp đầy bình quân các CCN đã đi vào hoạt động khoảng 80,9% diện tích, chủ yếu các ngành nghề thế mạnh của tỉnh.

+ Bên cạnh việc giao chỉ tiêu cho từng địa phương gắn với kế hoạch thu hút đầu tư vào các KCN, CNN, ngoài ra, UBND tỉnh quan tâm, chú trọng kêu gọi, xúc tiến đầu tư đối với các dự án đầu tư có sử dụng đất ngoài KCN, CCN. UBND tỉnh đã tiếp và làm việc với các tổ chức, doanh nghiệp, đối tác đến khảo sát, tìm hiểu và đăng ký đầu tư trên các lĩnh vực công nghiệp, năng lượng tái tạo, chuyển đổi xanh, xây dựng khu đô thị sinh thái và nghỉ dưỡng cao cấp, dịch vụ du lịch, trí tuệ nhân tạo,... Đã tiếp và làm việc với Đại sứ quán, Lãnh sự quán, Đoàn công tác của một số nước như Nhật Bản, Trung Quốc, Bỉ, Canada, Đức, Hoa Kỳ, Italia; tổ chức Hội nghị ký kết hợp tác giữa UBND tỉnh và Chính quyền 4 tỉnh Nam Lào giai đoạn 2021 - 2025,...tổ chức Hội nghị ký kết hợp tác giữa UBND tỉnh và Chính quyền 4 tỉnh Nam Lào giai đoạn 2021 – 2025, Lễ ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác toàn diện về thúc đẩy chuyển đổi xanh trên địa bàn Bình Định giữa UBND tỉnh Bình Định và Tập đoàn Vingroup; Hội thảo xúc tiến đầu tư tỉnh Bình Định, Việt Nam – Bỉ; đã tổ chức Đoàn công tác xúc tiến đầu tư tại Thái Lan, Đức, Nhật, Hàn Quốc...

Qua đó, kết quả thu hút đầu tư tính đến 31/12/2024, toàn tỉnh thu hút 74 dự án đầu tư mới với tổng vốn đăng ký đầu tư là 19.219,8 tỷ đồng; trong đó có 70 dự án đầu tư trong nước và 04 dự án FDI. Phân theo lĩnh vực: 57 dự án thuộc lĩnh vực Công nghiệp; 05 dự án thuộc lĩnh vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản; 02 dự án thuộc lĩnh vực Dịch vụ cảng và logistics; 03 dự án thuộc lĩnh vực xây dựng, hạ tầng; 02 dự án thuộc lĩnh vực thương mại dịch vụ - du lịch và 05 dự án Bất động sản và kinh tế đô thị. Công tác thu hút đầu tư góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tránh lãng

¹⁶07 KCN đã đi vào hoạt động: KCN Nhơn Hội A, KCN Nhơn Hội B, KCN Nhơn Hòa, KCN Hòa Hội, KCN Phú Tài, KCN Long Mỹ; KCN Becamex - VSIP Bình Định.

phí, giải quyết việc làm và tạo ra giá trị sản xuất, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân. Ngoài ra, việc tập trung sản xuất trong KCN, CCN cũng đã góp phần kiểm soát và hạn chế gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư.

Song song với việc hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, UBND tỉnh cũng đã chỉ đạo kiểm tra, rà soát đối với trên 120 dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Qua kiểm tra, rà soát ngoài việc đôn đốc, hướng dẫn các nhà đầu tư thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư đã xử phạt hành chính đối với 11 tổ chức không thực hiện theo đúng tiến độ dự án với tổng số tiền 750 triệu đồng. Đồng thời, UBND tỉnh đã chấp thuận chủ trương tạm ngừng hoạt động toàn bộ dự án đối với 02 dự án; chấm dứt hoạt động 12 dự án đầu tư, trong đó cơ quan có thẩm quyền đề xuất chấm dứt hoạt động 05 dự án đầu tư, Nhà đầu tư tự quyết định chấm dứt hoạt động 07 dự án đầu tư...

- Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản:

UBND tỉnh cũng đã chỉ đạo¹⁷ Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan tăng cường công tác tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản, kiểm tra, quản lý chặt chẽ các nguồn tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh¹⁸: thực hiện lắp đặt, kết nối dữ liệu camera¹⁹, Hệ thống giám sát khai thác khoáng sản tỉnh Bình Định và trạm cân tại các mỏ hoạt động khai thác khoáng sản; kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Trong năm 2024, UBND tỉnh ban hành 32 giấy phép (21 Giấy phép khai thác khoáng, 07 Giấy phép gia hạn khai thác và 04 Giấy phép thăm dò khoáng sản); 46 quyết định (04 Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác, 13 Quyết định phê duyệt trữ lượng, 28 Quyết định phê duyệt đề án và đóng cửa mỏ khoáng và 01 Quyết định trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản); 06 Bản xác nhận (05 Bản xác nhận Khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị, kế hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình, 01 Bản xác nhận điều chỉnh, bổ sung nội dung).

Công tác tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Cục Thuế để xác định, ra thông báo nộp và đối chiếu sản lượng khai thác để tránh thất thoát, lãng phí. Theo đó, đến ngày 30/11/2024 đã thực hiện thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là 91.802 triệu đồng, đạt 141,2% so với dự toán HĐND tỉnh giao (65.000 triệu đồng), tăng 27% so với cùng kỳ năm 2023.

Đồng thời, qua kiểm tra, đã xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.867 triệu đồng. Từ đó, góp phần quản lý, khai thác và sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững, tăng hiệu quả kinh tế, giảm thiểu các tác động đến môi trường.

¹⁷ Chi thị số 12/CT-UBND ngày 15/8/2022 về việc tiếp tục tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh nhằm tăng cường hiệu quả, hiệu lực thực thi pháp luật về khoáng sản trên địa bàn tỉnh

¹⁸ Thông báo 514/TB-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh về Ý kiến kết luận của Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Nguyễn Tuấn Thanh tại Hội nghị nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

¹⁹ Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 23/02/2024 của UBND tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Bình Định năm 2024.

- Trong công tác quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên rừng:

Công tác quản lý, khai thác, sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên được UBND tỉnh chú trọng, tăng cường chỉ đạo công tác bảo vệ và phát triển rừng, trong đó có rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển, rừng đặc dụng, thực hiện nghiêm việc đóng cửa rừng tự nhiên và các quy định về bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học. Đến nay, đã thực hiện khoán bảo vệ rừng là 129.296,3ha; hỗ trợ bảo vệ rừng 35.415ha; khoán khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên 284ha; chăm sóc rừng trồng 19.500ha; công tác trồng rừng tập trung được 10.350,93ha (đạt 121,77% so với kế hoạch 8.500ha); khai thác rừng trồng dự kiến sản lượng năm 2024 là 1.050.000m³, đã khai thác được sản lượng 11.273,54m³. Ngoài ra, UBND tỉnh chú trọng trong việc thực hiện quản lý rừng bền vững và chứng chỉ FSC, trong năm 2024 đã phê duyệt 03 phương án quản lý rừng bền vững (Lũy kế từ năm 2021 đến nay có 12 đơn vị được tỉnh phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững).

Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện quyết liệt các biện pháp bảo vệ rừng và PCCCR, hạn chế tối đa tình trạng phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật và mua bán, vận chuyển, tàng trữ, chế biến lâm sản trái pháp luật, chống người thi hành công vụ; lập hồ sơ xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật góp phần bảo vệ an ninh quốc phòng, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, nâng tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2024 đạt 57,7% (tỷ lệ che phủ rừng đến 31/12/2023 đạt 57,3%).

e) Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước

- Về tổ chức, sắp xếp bộ máy:

+ Đối với các cơ quan, đơn vị hành chính

Số lượng các sở, ngành thuộc tỉnh và các phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện theo đúng chủ trương, quy định của Chính phủ, đáp ứng yêu cầu đổi mới tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân các cấp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Về số lượng các cơ quan đơn vị cụ thể đến nay:

Cấp tỉnh: có 20 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (trong đó gồm: 112 phòng chuyên môn và 14 Chi cục và tương đương), 02 cơ quan là tổ chức hành chính nhà nước khác: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh (gồm có 10 phòng);

Cấp huyện: Toàn tỉnh có 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố, 02 thị xã và 08 huyện với 135 phòng chuyên môn, trong đó 03 huyện (Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão) có thêm Phòng Dân tộc là cơ quan đặc thù.

Cấp xã: Toàn tỉnh giảm 04 đơn vị hành chính cấp xã (từ 159 đơn vị xuống còn 155 đơn vị) theo Nghị quyết số 1257/NQ-UBTVQH15 thông qua tại phiên họp ngày 24/10/2024.

Hiện tại, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 25/12/2024 triển khai thực hiện việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy các cơ quan, theo đó sẽ sắp xếp, tinh gọn các sở, ngành, phòng chuyên môn cấp huyện.

+ Đối với các đơn vị sự nghiệp:

Năm 2024: Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 05/7/2024 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đơn vị sự nghiệp công lập. Qua đó, trong năm đã giảm 13 đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2023 (từ 720 đơn vị còn 707 đơn vị) nâng tổng số giảm lên 166 đơn vị (tương ứng tỷ lệ giảm 19,02% số đơn vị) so với năm 2015, đạt mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 19-NQ/TW.

- Về kết quả thực hiện tinh giản biên chế:

Năm 2024, UBND tỉnh đã ban hành quyết định²⁰ giao biên chế công chức với tổng số biên chế công chức là 2.162 biên chế (*giảm 25 biên chế so với năm 2023²¹*); số lượng người làm việc là 25.397 người (*giảm 541 người so với năm 2023*). Trong năm đã giải quyết chính sách tinh giản biên chế đối với 54 cán bộ, công chức, viên chức²² đủ điều kiện với tổng số kinh phí là 10.544.213.000 đồng.

Lũy kế đến nay, toàn tỉnh đã thực hiện tinh giản 43 biên chế công chức so năm 2021 (2.205 biên chế), tỷ lệ 1.95%/5%; giảm 1.623 người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021 (27.020 người làm việc), tỷ lệ 6%/10%.

- Về công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC):

Công tác cải cách thủ tục hành chính gắn với cung cấp dịch vụ công trực tuyến nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh được đặc biệt chú trọng, trên cơ sở văn bản chỉ đạo của Trung ương, lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã xây dựng kế hoạch thực hiện kế hoạch giai đoạn 2020 - 2025 và kế hoạch thực hiện từng năm, nhờ đó trong thời gian qua đã có nhiều sự đổi mới bằng những kết quả sản phẩm công việc cụ thể, góp phần từng bước nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, từ đó tiết kiệm được đáng kể chi phí cho người dân, doanh nghiệp, các cơ quan trong giải quyết các thủ tục hành chính.

Trong năm 2024, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch²³ cải cách hành chính tỉnh năm 2024; quyết định²⁴ hợp nhất các Ban Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về Cải cách hành chính, Chuyển đổi số, Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06) thành Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính, Chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Bình Định; đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị rà soát

²⁰ Quyết định số 4705/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao biên chế công chức và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh năm 2024;

²¹ Giảm 25 biên chế cụ thể: các sở, ban, ngành tỉnh, giảm 14 biên chế so với năm 2023; các huyện, thị xã, thành phố, giảm 11 biên chế so với năm 2023;

²² Bao gồm: 01 công chức cấp tỉnh; 42 viên chức; 11 cán bộ, công chức cấp xã

²³ Quyết định số 4935/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh

²⁴ Quyết định số 1397/QĐ-UBND ngày 22/4/2024 của UBND tỉnh

các chỉ tiêu, nhiệm vụ và đề ra giải pháp cụ thể nhằm thực hiện Chương trình hành động 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy về Cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020 – 2025; ban hành kế hoạch²⁵ ban hành Kế hoạch truyền thông cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh năm 2024, có Kế hoạch cải thiện, nâng cao kết quả Chỉ số PAR Index, SIPAS, PAPI, PCI của tỉnh Bình Định đến năm 2025²⁶ từ đó góp phần nâng cao nền hành chính và lấy trung tâm phục vụ là người dân góp phần tiết kiệm, tránh lãng phí chi phí xã hội, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

Đặc biệt, để đổi mới trong công tác tuyên truyền CCHC, Sở Nội vụ đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 01/7/2024 tổ chức Cuộc thi tìm hiểu CCHC tỉnh Bình Định năm 2024 - Chủ đề “*Vì Nhân dân phục vụ*”. Cuộc thi có sự tham dự của 31 đội đến từ các cơ quan, đơn vị, địa phương với hơn 200 cán bộ, công chức, viên chức dự thi, thu hút gần 1000 người tham dự, thông qua Cuộc thi đã tạo ra một sân chơi bổ ích cho cán bộ, công chức, viên chức, tạo sự lan tỏa mạnh mẽ trong công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC trên địa bàn tỉnh.

g) Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Nhà nước tại doanh nghiệp

Các doanh nghiệp có vốn nhà nước tại địa phương đã triển khai thực hiện tốt Chương trình hành động về THTK, CLP của tỉnh đề ra. 08/08 doanh nghiệp nhà nước (05²⁷ doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ) đều xây dựng Quy chế quản lý tài chính được UBND tỉnh phê duyệt, ban hành theo đúng quy định và hoạt động có hiệu quả.

Trong công tác cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước được thực hiện theo lộ trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong giai đoạn 2024 - 2025 đối với Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (*thực hiện thoái toàn bộ vốn nhà nước tương ứng với tỷ lệ 13,34% vốn điều lệ*); Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định (*thực hiện thoái toàn bộ vốn nhà nước tương ứng với tỷ lệ 25% vốn điều lệ*). Theo đó, đối với thoái vốn Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định, UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch, Phương án và Dự toán chi phí thoái vốn; phê duyệt giá khởi điểm chào bán phần vốn nhà nước, thuê tổ chức tư vấn để thực hiện thoái vốn Nhà nước và đã đặt giá bán cổ phiếu trên Sàn Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 24/10/2024 đến ngày 21/11/2024 với kết quả là thoái được 0,01% vốn điều lệ, đưa tỷ lệ phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định giảm từ 25% xuống còn 24,99% vốn điều lệ. Việc thực hiện công tác cổ phần hóa,

²⁵ Quyết định số 854/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 của UBND tỉnh

²⁶ Kế hoạch cải thiện, nâng cao kết quả Chỉ số PAR Index, SIPAS, PAPI, PCI của tỉnh Bình Định đến năm 2025 (Chỉ số PAR Index: Chỉ số cải cách hành chính; Chỉ số PAPI: Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh; Chỉ số SIPAS: Chỉ số sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước; Chỉ số PCI: Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh)

²⁷ 05 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ: Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định, Công ty TNHH Xô số kiến thiết Bình Định, Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn; Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn, Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh; 03 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 51% vốn điều lệ: Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định, Công ty cổ phần Môi trường Bình Định, Công ty cổ phần Công viên cây xanh và Chiếu sáng đô thị Quy Nhơn.

thoái vốn nhà nước thực hiện theo đúng quy định hiện hành, tuy nhiên do nguyên nhân khách quan là điều kiện thị trường không thuận lợi nên việc thực hiện thoái vốn trong năm 2024 không đạt như kỳ vọng của chủ sở hữu. Ngày 31/12/2024, UBND tỉnh có Văn bản số 10638/UBND-TH chỉ đạo tiếp tục khẩn trương triển khai công tác thoái vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định theo lộ trình, kế hoạch đã đề ra, đảm bảo nguồn lực tài chính sau khi thoái vốn được sớm đưa vào sử dụng, tránh lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước.

2. Đánh giá chung

a) Ưu điểm, kết quả đạt được

- UBND tỉnh đã chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện có hiệu quả quy định của Luật THTK, CLP; các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Chương trình về THTK, CLP năm 2024 thông qua việc ban hành tiêu chuẩn, định mức và các văn bản chỉ đạo kịp thời, sát thực tiễn, sát dự toán ngân sách, kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công và điều hành kịp thời theo tình hình thực tế, qua đó đạt được nhiều kết quả khả quan trong thu ngân sách và giải ngân vốn đầu tư công, giải ngân vốn các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm.

- Việc tiết kiệm chi thường xuyên các cơ quan hành chính nhà nước, đẩy mạnh tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập đã giúp các đơn vị chủ động trong việc sử dụng biên chế, tài sản và kinh phí một cách hợp lý, tăng cường khai thác nguồn thu để đảm bảo yêu cầu hoạt động của đơn vị, phát triển và mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ, đầu tư thêm cơ sở vật chất; tạo được những chuyển biến tích cực trong quản lý tài chính, ngân sách ở các cơ quan, đơn vị và tạo ra cơ chế khuyến khích các cơ quan, đơn vị chi tiêu có hiệu quả, hướng đến kết quả đầu ra, tiết kiệm ngân sách.

- Việc thực hiện mua sắm tài sản công đảm bảo quy định, tiêu chuẩn, định mức; đã được phân cấp cho các đơn vị khối tỉnh (5 đơn vị khối tỉnh), địa phương (11 huyện, thị xã, thành phố) để chủ động mua sắm kịp thời, tăng hiệu quả về kinh tế và tiết kiệm, sớm đưa hàng hóa, máy móc, thiết bị vào sử dụng; công tác tổ chức đấu thầu dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước cũng được triển khai hiệu quả, tiết kiệm.

- Việc quản lý, khai thác, sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản, được chú trọng và tăng cường kiểm tra, giám sát để phát hiện và xử lý vi phạm.

- Công tác thu hút đầu tư vào sản xuất kinh doanh ở các khu, cụm công nghiệp được chú trọng, giao chỉ tiêu cho từng địa phương, qua đó đạt được một số kết quả đáng kể (tính đến 31/12/2024, toàn tỉnh thu hút 74 dự án đầu tư mới với tổng vốn đăng ký đầu tư là 19.219,8 tỷ đồng; trong đó có 70 dự án đầu tư trong nước và 04 dự án FDI), tài nguyên đất đai được đưa vào sử dụng, giải quyết được việc làm, nâng cao đời sống cho người dân.

- Đã thực hiện tổ chức, sắp xếp bộ máy theo hướng tinh gọn; thực hiện tinh giản biên chế đúng lộ trình, đạt hiệu quả; triển khai kịp thời theo yêu cầu của Trung

ương về sắp xếp, tinh gọn bộ máy tiến tới tổng kết việc thực hiện Nghị Quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 (Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 25/12/2024 của UBND tỉnh. Công tác cải cách hành chính đã được đẩy mạnh, đạt nhiều kết quả tích cực.

- Hoạt động thanh tra, kiểm tra được tăng cường và đạt hiệu quả. Qua đó, kịp thời phát hiện thiếu sót trong quản lý, kiến nghị xử lý về kinh tế, chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế ở các lĩnh vực, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước góp phần phòng ngừa vi phạm pháp luật, tham nhũng, lãng phí “từ sớm, từ xa”.

b) Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc THPTK, CLP vẫn còn những tồn tại, hạn chế nhất định như:

- Một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn chưa sâu sát trong chỉ đạo thực hiện THPTK, CLP; chế độ thông tin, báo cáo chưa thực hiện kịp thời theo quy định, chất lượng báo cáo còn chưa cao. Bên cạnh đó, chưa nhận diện hết được lãng phí trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý để từ đó đề ra biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời. Vẫn còn thiếu sót trong công tác quản lý, sử dụng ngân sách ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Công tác mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung được đẩy mạnh phân cấp cho một số đơn vị và các địa phương, tuy nhiên, việc triển khai ở một số địa phương còn chậm (phần lớn các địa phương bắt đầu đăng tải đấu thầu trong quý III).

- Tình trạng khai thác đất, cát trái phép vẫn còn tồn tại ở các địa phương trong tỉnh mặc dù công tác kiểm tra, giám sát, xử phạt đã được đẩy mạnh.

- Vẫn còn tình trạng các dự án đã được cơ quan có thẩm quyền giao đất nhưng chậm triển khai (phải điều chỉnh, gia hạn tiến độ thực hiện); còn một số nhà đầu tư chậm nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất dẫn đến chậm đưa nguồn lực vào đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Còn có một số công trình công cộng phục vụ lợi ích cho người dân ở địa phương còn chưa phát huy hết hiệu quả, dẫn đến trường hợp lãng phí chưa được xử lý kịp thời, gây bức xúc trong dư luận.

- Còn một số khu, cụm công nghiệp đã được quy hoạch nhưng chưa thu hút được nhà đầu tư hạ tầng; tỷ lệ lấp đầy các khu, cụm công nghiệp còn chưa cao nên hiệu quả sử dụng đất chưa đạt với yêu cầu.

- Công tác cải cách thủ tục hành chính gắn với cung cấp dịch vụ công trực tuyến rất rất được quan tâm, có nhiều chuyển biến tích cực, tuy nhiên, thực tế vẫn còn một số hạn chế nhất định, một số người dân còn hạn chế về khả năng ứng dụng công nghệ thông tin khó tiếp cận khi thực hiện các dịch vụ công trực tuyến.

III. Nhiệm vụ chủ yếu, giải pháp thực hiện năm 2025

1. Phương hướng, nhiệm vụ

- Tiếp tục quán triệt, triển khai các chủ trương của Đảng, đặc biệt là Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Quy định số 189-QĐ/TW ngày 08/10/2024 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công; Bài viết “Chống lãng phí” của đồng chí Tô Lâm, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; bám sát theo Chương trình THPTK, CLP của Chính phủ, các kế hoạch triển khai của Tỉnh ủy và UBND tỉnh.

- Thực hiện rà soát, nhận diện các dạng thức lãng phí, xây dựng kế hoạch phòng, chống lãng phí trên địa bàn toàn tỉnh đảm bảo hiệu quả, có tiêu chí đánh giá rõ ràng.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương, đơn vị sự nghiệp công lập trong sử dụng ngân sách nhà nước, trong thực hiện cơ chế tự chủ, đảm bảo chỉ đúng đối tượng, đúng chế độ, hiệu quả, tiết kiệm. Phát huy vai trò của mỗi cá nhân, cán bộ, công chức, người dân trong THPTK, CLP, phát hiện và tố giác những hành vi gây lãng phí, tiêu cực.

- Thực hiện rà soát, có phương án xử lý đối với các tài sản công dôi dư, sử dụng không hiệu quả.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý kịp thời các trường hợp gây lãng phí trong các lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực tài sản công, lĩnh vực tài nguyên khoáng sản, đất đai (trong đó chú trọng các dự án đầu tư có sử dụng đất)

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số bảo đảm kết nối thông suốt, đi đôi với tăng cường giám sát nhằm sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường, đảm bảo an sinh xã hội, an ninh, quốc phòng. Gắn kết THPTK, CLP với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

2. Các giải pháp thực hiện năm 2025

- Triển khai tổ chức thực hiện Công điện số 112/CĐ-TTg ngày 06/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ tập trung giải quyết dứt điểm các dự án tồn đọng, dừng thi công, khẩn trương triển khai, hoàn thành, đưa vào sử dụng chống lãng phí, thất thoát, Công điện số 125/CĐ-TTg ngày 01/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông báo số 1673-TB/TU ngày 06/11/2024 của Tỉnh ủy Bình Định.

- Thực hiện điều hành dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 đảm bảo các khoản tiết kiệm, hiệu quả, đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định, tuân thủ dự toán được HĐND tỉnh thông qua; nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước theo Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 23/6/2023 và Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 04/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ; tiếp tục chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực

hiện đối với các công trình được đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước; có kế hoạch cụ thể đẩy nhanh phân bổ vốn đầu tư công. Tăng cường kiểm tra, rà soát, chấn chỉnh và kịp thời điều chỉnh, phân bổ các khoản kinh phí chậm thực hiện; linh hoạt trong phân bổ vốn đầu tư công; kịp thời tháo gỡ những vướng mắc trong giải ngân vốn các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Triển khai Quyết định số 3977/QĐ-UBND tỉnh ngày ngày 15/11/2024 của UBND tỉnh về việc thành lập Tổ công tác về phòng, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh và bộ phận giúp việc cho Tổ công tác; triển khai Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 27/12/2024 rà soát, nhận diện các dạng thức lãng phí và nhiệm vụ, giải pháp triển khai thực hiện phòng, chống lãng phí trong thời gian đến trên địa bàn tỉnh gắn các nhiệm vụ cụ thể cho từng ngành, lĩnh vực, địa phương và tiêu chí đánh giá cụ thể.

- Triển khai Quyết định số 4114/QĐ-UBND ngày 27/11/2024 phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý đối với 406 cơ sở nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục có văn bản đề nghị để bàn giao về cho địa phương đối với 05 cơ sở nhà, đất của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo rà soát, lập phương án xử lý đối với cơ sở nhà thuộc sở hữu nhà nước, nhà ở công vụ; công trình công cộng ở địa phương đảm bảo sử dụng hiệu quả.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát mua sắm tài sản theo phương thức tập trung (đẩy nhanh tiến độ thực hiện các gói thầu mua sắm tập trung năm 2025 của các huyện, thị xã, thành phố hoàn thành trước quý II/2025). Đồng thời, thực hiện tốt công tác công khai việc sử dụng ngân sách, mua sắm, sử dụng tài sản công theo quy định.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra các lĩnh vực như: quản lý tài chính, ngân sách; công tác đấu thầu, đấu giá; việc chấp hành quy định về kinh doanh bất động sản (đóng thuế bất động sản); về quản lý, cấp phép khai thác tài nguyên khoáng sản (đấu thầu, đấu giá quyền khai thác mỏ khoáng sản, tính thuế tài nguyên), tài nguyên rừng, tài nguyên đất đai; tiến độ thực hiện dự án đầu tư lĩnh vực công thương nghiệp, lĩnh vực đầu tư có sử dụng đất (trong và ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp);...

- Hoàn thành đúng tiến độ theo Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 25/12/2024 triển khai thực hiện việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy các cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát, hoàn thiện và trình HĐND tỉnh các quy định thuộc thẩm quyền của địa phương liên quan đến ban hành tiêu chuẩn, định mức, chế độ hiện khi các Luật mới có hiệu lực thi hành như: Luật Ngân sách nhà nước sửa đổi, bổ sung, Luật Đầu tư công sửa đổi, bổ sung, Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023, Luật Nhà ở năm 2023, Luật Đất đai năm 2024, và các nghị định có liên quan, đảm bảo kịp thời, phục vụ công tác quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính kết quả thực hiện Luật THTK, CLP năm 2024 và một số giải pháp thực hiện năm 2025./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Thanh tra Bộ Tài chính;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- CVP, PVPTH;
- Lưu: VT, K17.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục số 01

**DANH MỤC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TIẾT KIỆM,
CHỐNG LÃNG PHÍ VÀ VĂN BẢN PHÁP LUẬT VỀ TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC,
CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH NĂM 2024**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Lĩnh vực	Số văn bản	Ngày, tháng	Trích yếu
I	VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH LIÊN QUAN ĐẾN THTK, CLP TRÊN CÁC LĨNH VỰC			
1	Triển khai THTK, CLP	410/QĐ-UBND	30/01/2024	Ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của tỉnh Bình Định năm 2024
2	Triển khai THTK, CLP	22/BC-UBND	26/02/2024	Tình hình và kết quả triển khai thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 và giải pháp thực hiện năm 2024
3	Triển khai THTK, CLP	1402/UBND-TH	29/02/2024	Về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 86-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí
4	Triển khai THTK, CLP	8529/UBND-TH	24/10/2024	Về việc tham mưu, đề xuất các giải pháp về phòng, chống lãng phí theo nội dung Bài viết "Chống lãng phí" của đồng chí Tô Lâm, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng;
5	Triển khai THTK, CLP	9032/UBND-TH	08/11/2024	Về việc chủ trương thành lập tổ công tác về phòng, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh
6	Triển khai THTK, CLP	8875/UBND-TH	04/11/2024	Về việc triển khai Quy định số 189-QĐ/TW ngày 08/10/2024 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công
7	Triển khai THTK, CLP	9060/UBND-TH	08/11/2024	về việc triển khai Công điện số 112/CĐ-TTg ngày 06/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ tập trung giải quyết dứt điểm các dự án tồn đọng, dừng thi công, khẩn trương triển khai, hoàn thành, đưa vào sử dụng chống lãng phí, thất thoát
8	Triển khai THTK, CLP	9094/UBND-TH	11/11/2024	Về việc thực hiện Thông báo số 1673-TB/TU ngày 06/11/2024 của Thường trực Tỉnh ủy về thực hiện các nội dung theo quy định 189-QĐ/TW ngày 08/10/2024
9	Triển khai THTK, CLP	3977/QĐ-UBND	15/11/2024	Thành lập Tổ công tác về phòng, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh và bộ phận giúp việc cho Tổ công tác
10	Chỉ đạo, điều hành	4647/QĐ-UBND	14/12/2023	Giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024
11	Chỉ đạo, điều hành	03/CT-UBND	22/01/2024	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024
12	Chỉ đạo, điều hành	08/CT-UBND	22/04/2024	Chỉ thị phát động phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024
13	Chỉ đạo, điều hành	93/BC-UBND	15/06/2024	Về việc kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2024
14	Chỉ đạo, điều hành	2111/QĐ-UBND	15/06/2024	Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện việc đôn đốc thu hồi nợ đọng thuế và tiền sử dụng đất, tiền thuê đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh
15	Chỉ đạo, điều hành	4961/UBND-KT	01/07/2024	Về liên quan đến việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật
16	Chỉ đạo, điều hành	119/BC-UBND	06/07/2024	Báo cáo công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2024
17	Chỉ đạo, điều hành	5773/UBND-TH	30/07/2024	Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 26/6/2024 của Chính phủ
18	Chỉ đạo, điều hành	7450/UBND-VX	24/09/2024	Về việc đôn đốc thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững năm 2024
19	Chỉ đạo, điều hành	7709/UBND-TH	02/10/2024	Về việc tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu những tháng cuối năm 2024
20	Chỉ đạo, điều hành	5994/UBND-TH	06/08/2024	Về việc triển khai Văn bản số 8120/BTC-CĐKT ngày 01/08/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán tài sản kết cấu hạ tầng chợ
21	Chỉ đạo, điều hành	9255/UBND-KT	14/11/2024	Về việc phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2020 - 2025
22	Tài chính, Ngân sách	4568/QĐ-UBND	10/12/2023	Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024
23	Tài chính, Ngân sách	433/UBND-TH	17/01/2024	Về việc tăng cường tiết kiệm chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định (theo Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 04/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường tiết kiệm chi ngân sách nhà nước)
24	Tài chính, Ngân sách	06/CT-UBND	04/4/2024	Về việc tăng cường công tác thu ngân sách nhà nước nhằm phấn đấu đạt và vượt dự toán năm 2024, hướng đến hoàn thành kế hoạch năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX
25	Tài chính, Ngân sách	3883/UBND-TH	23/05/2024	Về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý, điều hành giá những tháng còn lại năm 2024 trên địa bàn tỉnh
26	Tài chính, Ngân sách	3912/UBND-TH	24/05/2024	Về việc phối hợp chỉ đạo trong công tác quản lý thuế trên địa bàn tỉnh theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Văn bản số 5258/BTC-TCT ngày 22/5/2024 của Bộ Tài chính
27	Đầu tư công	4565/QĐ-UBND	12/8/2023	Phân bổ và giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024
28	Đầu tư công	02/CT-UBND	09/01/2024	Về việc đẩy mạnh giải ngân đầu tư công vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý năm 2024
29	Đầu tư công	505/UBND-TH	19/01/2024	Về việc Đẩy mạnh thực hiện và giao tiến độ giải ngân nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 trên địa bàn tỉnh
30	Đầu tư công	938/QĐ-UBND	21/03/2024	Về việc phân bổ chi tiết vốn sự nghiệp ngân sách trung ương và vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024
31	Đầu tư công	2361/UBND-VX	4/2/2024	Về việc tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện và báo cáo định kỳ việc giải ngân vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội lĩnh vực y tế giao cho tỉnh Bình Định

TT	Lĩnh vực	Số văn bản	Ngày, tháng	Trích yếu
32	Đầu tư công	1420/UBND-TH	3/1/2024	Về việc phân bổ, nhập dự toán Tabmis và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công nguồn vốn nước ngoài năm 2024
33	Mua sắm tài sản công	1007/QĐ-UBND	28/3/2024	về số lượng xe ô tô bán tải và xe ô tô từ 12 đến 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung
34	Mua sắm tài sản công	255/QĐ-UBND	19/01/2024	Ủy quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh
35	Mua sắm tài sản công	5049/UBND-VX	04/07/2024	Về việc chấn chỉnh, nâng cao chất lượng công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu trên địa bàn tỉnh
36	Đất đai	688/QĐ-UBND	03/3/2024	Về việc ban hành Kế hoạch triển khai Luật Đất đai năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bình Định
37	Đất đai	2017/UBND-KT	19/03/2024	Về việc triển khai thực hiện Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp
38	Đất đai	3973/UBND-KT	27/05/2024	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp do đơn vị thuộc UBND cấp huyện làm chủ đầu tư
39	Đất đai	3996/UBND-KT	28/05/2024	Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật các tổ chức tín dụng
40	Đất đai	44/TTr-UBND	29/05/2024	Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025) của tỉnh Bình Định
41	Đất đai	4204/UBND-KT	04/06/2024	Về việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết nội dung Luật Đất đai năm 2024 thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh
42	Đất đai	13/CT-UBND	07/06/2024	Chỉ thị tăng cường công tác quy hoạch, quản lý các quỹ đất dọc các tuyến đường mới của tỉnh
43	Đất đai	7055/UBND-TH	10/09/2024	Về việc hỗ trợ xúc tiến đầu tư, đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường, GPMB đối với các dự án trên địa bàn tỉnh
44	Khoáng sản	2814/UBND-KT	16/04/2024	Về việc tăng cường công tác quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh
45	Khoáng sản	3769/UBND-KT	21/05/2024	Một số nội dung liên quan đến tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản giai đoạn 2020-2022
46	Khoáng sản	5282/UBND-KT	11/07/2024	Về việc công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh
47	Tài nguyên khác	1923/QĐ-UBND	29/05/2024	Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15, các Nghị định và Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Định
48	Tài nguyên khác	07/CT-UBND	4/12/2024	Tăng cường thực hiện các biện pháp cấp bách ứng phó với nắng nóng hạn hán, xâm nhập mặn đối với sản xuất nông nghiệp và cấp nước sinh hoạt mùa khô năm 2024
49	Tổ chức, biên chế	4705/QĐ-UBND	19/12/2023	Về việc giao biên chế công chức và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh năm 2024
50	Tổ chức, biên chế	983/QĐ-UBND	27/03/2024	Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt I năm 2024 (bổ sung)
51	Cải cách hành chính	9627/UBND-NC	19/12/2023	Tiến hành thanh tra chuyên đề trách nhiệm về thực hiện công vụ của cán bộ, công chức, viên chức
52	Cải cách hành chính	4935/QĐ-UBND	29/12/2023	Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Bình Định năm 2024
53	Cải cách hành chính	73/UBND-NC	03/01/2024	Về việc định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá dịch vụ sự nghiệp công về lưu trữ
54	Cải cách hành chính	33/KH-UBND	23/02/2024	Về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Bình Định năm 2024
55	Cải cách hành chính	04/CT-UBND	08/3/2024	Chỉ thị về thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính, cải thiện chất lượng dịch vụ công trực tuyến gắn với đẩy mạnh thực hiện Đề án 06 nhằm nâng cao chất lượng phục vụ hành chính cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh
56	Cải cách hành chính	1156/QĐ-UBND	04/4/2024	Ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh năm 2024

TT	Lĩnh vực	Số văn bản	Ngày, tháng	Trích yếu
57	Cải cách hành chính	1397/QĐ-UBND	22/4/2024	Về việc thành lập Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính, Chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Bình Định
58	Cải cách hành chính	1966/QĐ-UBND	03/6/2024	Công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực Đăng kiểm, Thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý và trách nhiệm thực hiện của Sở Giao thông vận tảivv
59	Cải cách hành chính	4182/UBND-NC	04/6/2024	Về việc Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc
60	Cải cách hành chính	117/BC-UBND	05/07/2024	Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Đề án 06 trong 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bình Định
61	Thanh tra, kiểm tra	4723/QĐ-UBND	20/12/2023	Phê duyệt Kế hoạch thanh tra năm 2024 của tỉnh Bình Định
62	Thanh tra, kiểm tra	1949/UBND-NC	18/3/2024	Khắc phục hạn chế, thiếu sót qua kiểm tra, rà soát các cuộc thanh tra kinh tế - xã hội và việc thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2022 trên địa bàn tỉnh
63	Thanh tra, kiểm tra	3664/UBND-NC	17/5/2024	Thực hiện Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán
64	Thanh tra, kiểm tra	81/KH-UBND	18/4/2024	Kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bình Định
II VĂN BẢN PHÁP LUẬT VỀ TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC, CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH				
1	Nghị quyết	08/NQ-HĐND	15/3/2024	Về việc Quyết định số lượng xe ô tô bán tải và xe ô tô từ 12 đến 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung
2	Nghị quyết	10/NQ-HĐND	15/3/2024	Phê duyệt bổ sung biên chế giáo viên năm học 2023-2024
3	Nghị quyết	22/NQ-HĐND	12/6/2024	Về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 – 2025
4	Nghị quyết	01/2024/NQ-HĐND	6/12/2024	Bãi bỏ điểm b khoản 3 Điều 18 của Quy định các loại phí và lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Định kèm theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
5	Nghị quyết	02/2024/NQ-HĐND	12/6/2024	Quy định chính sách hỗ trợ một lần đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã nghỉ công tác do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 – 2025
6	Nghị quyết	03/2024/NQ-HĐND	12/6/2024	về quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và một số chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Định
7	Nghị quyết	04/2024/NQ-HĐND	12/7/2024	Về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025 ban hành kèm
8	Nghị quyết	05/2024/NQ-HĐND	12/7/2024	Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định
9	Nghị quyết	06/2024/NQ-HĐND	12/7/2024	Về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành
10	Nghị quyết	07/2024/NQ-HĐND	12/7/2024	Về việc ban hành nội dung, nhiệm vụ chỉ duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố để điều trên địa bàn tỉnh
11	Nghị quyết	08/2024/NQ-HĐND	12/7/2024	Về quy định nội dung, mức chi để thực hiện các nhiệm vụ điều tra, khảo sát, thu thập thông tin thống kê do ngân sách địa phương đảm bảo
12	Nghị quyết	09/2024/NQ-HĐND	12/7/2024	Quy định chính sách hỗ trợ trong khám bệnh, chữa bệnh cho người nghèo và một số đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Bình Định
13	Nghị quyết	10/2024/NQ-HĐND	12/7/2024	Quy định một số chính sách hỗ trợ cho học sinh của Xã Nhơn Châu đang học tập tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh
14	Nghị quyết	11/2024/NQ-HĐND	12/7/2024	sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của HĐND tỉnh Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội
15	Nghị quyết	12/2024/NQ-HĐND	12/7/2024	Quy định mức tặng quà đối với Trung tâm Chăm sóc và Điều dưỡng người có công, người có công và thân nhân người có công với cách mạng nhân dịp Lễ, Tết trên địa bàn tỉnh Bình Định
16	Nghị quyết	13/2024/NQ-HĐND	12/7/2024	Quy định một số chính sách bảo tồn và phát huy các loại hình nghệ thuật truyền thống tỉnh Bình Định, giai đoạn 2024 - 2028
17	Nghị quyết	14/2024/NQ-HĐND	12/7/2024	Quy định một số chính sách hỗ trợ xuất bản, phổ biến, tặng thưởng các tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật của văn nghệ sĩ sáng tác và đạt giải thưởng trong 2 năm 2024 và 2025
18	Nghị quyết	15/2024/NQ-HĐND	12/7/2024	Ban hành chính sách hỗ trợ thu hút đoàn khách đến tỉnh Bình Định dự hội nghị, hội thảo
19	Nghị quyết	16/2024/NQ-HĐND	12/7/2024	Ban hành quy định nội dung chi, mức chi đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Định
20	Nghị quyết	17/2024/NQ-HĐND	12/7/2024	Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 39/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Quy định một số chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Định
21	Nghị quyết	19/2024/NQ-HĐND	27/9/2024	Ban hành chính sách hỗ trợ kinh phí mua sắm, lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá của ngư dân Bình Định có chiều dài từ 12 mét đến dưới 15 mét di chuyển ngư trường tại các tỉnh phía Nam

TT	Lĩnh vực	Số văn bản	Ngày, tháng	Trích yếu
22	Nghị quyết	20/2024/NQ-HĐND	27/9/2024	Ban hành quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định
23	Nghị quyết	21/2024/NQ-HĐND	27/9/2024	Ban hành quy định thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi
24	Nghị quyết	22/2024/NQ-HĐND	27/11/2024	Quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bình Định
25	Nghị quyết	23/2024/NQ-HĐND	27/11/2024	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định các loại phí và lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh
26	Nghị quyết	24/2024/NQ-HĐND	27/11/2024	Quy định cơ chế hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2030
27	Nghị quyết	25/2024/NQ-HĐND	27/11/2024	Chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bình Định
28	Nghị quyết	26/2024/NQ-HĐND	12/12/2024	Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Bình Định.
29	Nghị quyết	29/2024/NQ-HĐND	12/12/2024	Sửa đổi, bổ sung mục 1 phụ lục của Nghị quyết số 87/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định.
30	Nghị quyết	30/2024/NQ-HĐND	12/12/2024	Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ, dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị và phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ, kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định.
31	Nghị quyết	31/2024/NQ-HĐND	12/12/2024	Bãi bỏ Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 23/3/2023 của HĐND tỉnh quy định một số mức chi phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh Bình Định.
32	Nghị quyết	32/2024/NQ-HĐND	12/12/2024	Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh về Chính sách khuyến khích nuôi gà thả đồi trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2022-2026.
33	Nghị quyết	33/2024/NQ-HĐND	12/12/2024	Quy định cơ chế hỗ trợ vaccine tiêm phòng; phòng, chống dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Bình Định.
34	Nghị quyết	34/2024/NQ-HĐND	12/12/2024	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương, kênh mương nội đồng giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2020/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 của HĐND tỉnh.
35	Nghị quyết	38/2024/NQ-HĐND	12/12/2024	Quy định mức hỗ trợ đối với người đang thờ cúng liệt sĩ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Định.
36	Nghị quyết	39/2024/NQ-HĐND	12/12/2024	Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2025.
37	Nghị quyết	42/2024/NQ-HĐND	12/12/2024	Quy định nội dung chi, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định.
38	Nghị quyết	45/2024/NQ-HĐND	12/12/2024	Quy định mức chi thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mật trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Định.
39	Quyết định	01/2024/QĐ-UBND	04/01/2024	Ban hành Quy chế phối hợp chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Định
40	Quyết định	04/2024/QĐ-UBND	31/01/2024	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về nội dung chi, mức chi của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Bình Định kèm theo Quyết định số 05/2022/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm
41	Quyết định	06/2024/QĐ-UBND	23/02/2024	Quy định phân cấp và phân công trách nhiệm thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với dự
42	Quyết định	07/2024/QĐ-UBND	23/02/2024	Quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Định
43	Quyết định	08/2024/QĐ-UBND	12/03/2024	Quy định về quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho các di tích trên địa bàn tỉnh Bình Định
44	Quyết định	12/2024/QĐ-UBND	02/5/2024	Ban hành danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định
45	Quyết định	15/2024/QĐ-UBND	17/5/2024	Ban hành Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Định
46	Quyết định	17/2024/QĐ-UBND	03/6/2024	Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Định
47	Quyết định	19/2024/QĐ-UBND	19/6/2024	Số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Định
48	Quyết định	23/2024/QĐ-UBND	12/7/2024	Quy định chi tiết tiêu chuẩn, cách thức đánh giá, bình xét danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Bình Định
49	Quyết định	24/2024/QĐ-UBND	18/7/2024	Quy định việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định
50	Quyết định	32/2024/QĐ-UBND	01/8/2024	Quy định hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối trên địa bàn tỉnh Bình Định
51	Quyết định	33/2024/QĐ-UBND	01/8/2024	Quy định hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân trên địa bàn tỉnh Bình Định
52	Quyết định	34/2024/QĐ-UBND	01/8/2024	Quy định hạn mức về đất ở trên địa bàn tỉnh Bình Định
53	Quyết định	35/2024/QĐ-UBND	01/8/2024	Quy định các loại giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 trên địa bàn tỉnh Bình Định
54	Quyết định	36/2024/QĐ-UBND	01/8/2024	Ban hành quy định về điều kiện, diện tích tối thiểu được tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Định
55	Quyết định	37/2024/QĐ-UBND	05/8/2024	Sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Quyết định số 80/2023/QĐ-UBND ngày 16/12/2023 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên và hệ số quy đổi một số loại tài nguyên trên địa bàn
56	Quyết định	38/2024/QĐ-UBND	06/8/2024	Ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mỏ mã trên địa bàn tỉnh Bình Định
57	Quyết định	40/2024/QĐ-UBND	12/8/2024	Quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định (trừ xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế)

TT	Lĩnh vực	Số văn bản	Ngày, tháng	Trích yếu
58	Quyết định	41/2024/QĐ-UBND	16/8/2024	Ban hành Quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Định
59	Quyết định	42/2024/QĐ-UBND	16/8/2024	Bãi bỏ Quyết định số 62/2020/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số chế độ hỗ trợ trong khám, chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Định
60	Quyết định	43/2024/QĐ-UBND	17/8/2024	Quy định khung giá thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng không bằng vốn đầu tư công, nguồn tài chính công đoàn trên địa bàn tỉnh Bình Định
61	Quyết định	44/2024/QĐ-UBND	17/8/2024	Quy định khung giá thuê nhà ở xã hội do cơ quan đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Định
62	Quyết định	46/2024/QĐ-UBND	17/8/2024	Quy định khung giá cho thuê nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định
63	Quyết định	48/2024/QĐ-UBND	27/8/2024	Quy định tiêu chí đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại mà chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại phải dành một phần diện tích đất ở trong dự án để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội
64	Quyết định	49/2024/QĐ-UBND	11/9/2024	Bãi bỏ Quyết định số 45/2020/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý, vận hành và cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử tỉnh
65	Quyết định	50/2024/QĐ-UBND	16/9/2024	Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý dịch vụ công đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Định kèm theo Quyết định số 75/2020/QĐ-UBND ngày 01/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh
66	Quyết định	53/2024/QĐ-UBND	19/9/2024	Bãi bỏ một phần của Quy chế Quản lý Chuyển giao công nghệ và thẩm định công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số 17/2019/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh
67	Quyết định	54/2024/QĐ-UBND	21/9/2024	Quy định bàn giao và tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật của các dự án khu đô thị, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Bình Định
68	Quyết định	56/2024/QĐ-UBND	07/10/2024	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế nội bộ về tổ chức thực hiện các quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần trên địa bàn tỉnh Bình Định kèm theo Quyết định số 33/2021/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định
69	Quyết định	57/2024/QĐ-UBND	14/10/2024	Quy định về đường giao thông để phương tiện chữa cháy thực hiện nhiệm vụ chữa cháy tại nơi có nhà ở nhiều tầng nhiều căn hộ của cá nhân trên địa bàn tỉnh Bình Định
70	Quyết định	60/2024/QĐ-UBND	17/10/2024	Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định
71	Quyết định	61/2024/QĐ-UBND	21/10/2024	Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động của bãi đỗ xe trên địa bàn tỉnh Bình Định
72	Quyết định	62/2024/QĐ-UBND	23/10/2024	Quy định các địa điểm, vị trí không thuộc khu vực đô thị phải phát triển nhà ở theo dự án; khu vực chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở không sử dụng nguồn vốn của Nhà nước phải xây dựng nhà ở xã hội
73	Quyết định	64/2024/QĐ-UBND	26/10/2024	Ban hành khung giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư trên địa bàn tỉnh Bình Định
74	Quyết định	65/2024/QĐ-UBND	28/10/2024	Quy định hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người có đất thu hồi trên địa bàn tỉnh Bình Định
75	Quyết định	66/2024/QĐ-UBND	28/10/2024	Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định
76	Quyết định	67/2024/QĐ-UBND	28/10/2024	Quy định hạn mức diện tích đất giao cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn tỉnh Bình Định
77	Quyết định	68/2024/QĐ-UBND	28/10/2024	Quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục thẩm định để giao đất ở không đấu giá quyền sử dụng đất cho cá nhân trên địa bàn tỉnh Bình Định
78	Quyết định	69/2024/QĐ-UBND	28/10/2024	Quy định hạn mức giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang trên địa bàn tỉnh Bình Định
79	Quyết định	70/2024/QĐ-UBND	28/10/2024	Quy định về tiêu chí, điều kiện việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bình Định
80	Quyết định	71/2024/QĐ-UBND	28/10/2024	Quy định về diện tích đất để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi được chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bình Định
81	Quyết định	73/2024/QĐ-UBND	29/10/2024	Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bình Định
82	Quyết định	74/2024/QĐ-UBND	04/11/2024	Quy chế phối hợp về xây dựng cơ sở dữ liệu, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Bình Định
83	Quyết định	76/2024/QĐ-UBND	14/11/2024	Quy định tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Bình Định
84	Quyết định	78/2024/QĐ-UBND	22/11/2024	Quy định về điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ để tách phần diện tích đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý thành dự án độc lập trên địa bàn tỉnh Bình Định
85	Quyết định	81/2024/QĐ-UBND	26/11/2024	Quy định giá cho thuê cụ thể đối với nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Bình Định
86	Quyết định	82/2024/QĐ-UBND	29/11/2024	Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định
87	Quyết định	83/2024/QĐ-UBND	06/12/2024	Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định
88	Quyết định	88/2024/QĐ-UBND	20/12/2024	Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Bình Định
89	Quyết định	89/2024/QĐ-UBND	20/12/2025	Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bình Định
90	Quyết định	92/2024/QĐ-UBND	23/12/2024	Quy định một số mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định,
91	Quyết định	93/2024/QĐ-UBND	26/12/2024	Quy định một số yếu tố khác ước tính doanh thu phát triển, chi phí phát triển của thửa đất, khu đất cần định giá theo phương pháp thặng dư và các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất trong xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Bình Định

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ NĂM 2024
 (Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

1	2	3	4	5	6	So sánh với năm trước và kế hoạch		9
						7=6/4	8=6/5	
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức mới được ban hành	Văn bản	57		94	164,9		
2	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản				-		
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Cuộc	90		81	90,0		
4	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường	triệu đồng	12.215		10.575	86,6		
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng	172.251		263.728	153,1		
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác	triệu đồng						
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN							
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:		42.930	42.713	42.804	99,7	100,2	
	- Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng	4.975	4.975	4.995	100,4	100,4	
	- Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng	4.144	4.144	4.169	100,6	100,6	
	- Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng	6.207	6.207	6.214	100,1	100,1	
	- Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng	2.703	2.703	2.706	100,1	100,1	
	- Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng	1.289	1.289	1.293	100,3	100,3	
	- Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng	5.062	5.062	5.067	100,1	100,1	
	- Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng	4.859	4.859	4.864	100,1	100,1	
	- Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng	4.404	4.404	4.413	100,2	100,2	
	- Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng	9.288	9.070	9.083	97,8	100,2	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	triệu đồng	1.441	1.502	2.025	140,5	134,8	
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng	1.202	1.202	1.300	108,1	108,1	
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	239	300	725	303,3	241,7	
	- Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng		-				
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	239	300	725	303,3	241,7	
	- Thương thảo hợp đồng	triệu đồng						
+	- Các nội dung khác	triệu đồng						
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	56.037	54.723	56.037	100,0	102,4	
2.3	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng		-				
2.4	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng		-				
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị		-				
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị		-				
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng		-				
4	Các nội dung khác							
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
1.1	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc	426		423	99,3		
1.2	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc	30		22	73,3		
1.3	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc	12		25	208,3		
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được	triệu đồng	386.166	431.902	469.274	121,5	108,7	
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng						
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	354.264	400.000	454.602	128,3	113,7	
	- Thẩm tra phê duyệt quyết toán	triệu đồng	31.902	31.902	14.672	46,0	46,0	
	- Thực hiện đầu tư thi công	triệu đồng						
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng		-				

	Nội dung	ĐVT	Kết quả của năm trước 2024	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	<i>Số lượng</i>	<i>dự án</i>						
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	<i>triệu đồng</i>						
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m ²	1.973.232		1.973.232	100,0		
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²	5.018		5.018	100,0		
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²	1.006		1.006			
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng			-			
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m ²						
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng			-			
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m ²			-			
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m ²			-			
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng			-			
1.4	Các nội dung khác							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ			-			
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng			-			
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án			-			
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng			-			
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
4	Các nội dung khác							
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động, cải cách hành chính trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, đào tạo, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng	250	250	260	104,0	104,0	
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng		77	77	80	104,3	104,3	
	- Tiết kiệm điện	Kw/h						
	- Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng	72	72	80	111,1	111,1	
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng			-			
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng	490	490	510	104,1	104,11	
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được, bao gồm:	triệu đồng						
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng			-			
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng			-			
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng			-			
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng			-			
2.3	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	- Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án						
	- Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng						
2.4	Các nội dung khác							
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	- Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng			-			
	- Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng			-			
	- Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng			-			
4	Mua sắm tài sản, phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc	11	-	11	100,0		
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc	-	-	-			

	Nội dung	ĐVT	Kết quả của năm trước 2024	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng	-	-	-			
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	triệu đồng	-	-	-			
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng	-	-	-			
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ							
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc		-				
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng		-				
5	Nợ phải thu khó đòi							
	Số đầu kỳ	triệu đồng	3.019		3.019	100,0		
	Số cuối kỳ	triệu đồng	3.204		3.204	100,0		
6	Vốn chủ sở hữu							
	Số đầu năm	triệu đồng	3.607.375		3.607.375	100,0		
	Số cuối kỳ	triệu đồng	3.610.885		3.610.885	100,0		
VIII	THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THTK, CLP	Lượt hộ						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	Cuộc						
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	Cuộc						
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	Cơ quan/tổ chức/đơn vị						
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP	Cơ quan/tổ chức/đơn vị						
5	Tổng giá trị tiền và tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng						
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng						